

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 3

PHẨM 1: THÂU NHIẾP SỰ (Phần 3)

Thông đạt, như trong kinh có nói rộng có bảy thứ thông đạt:

1. Tự thông đạt: là không phân biệt ba mươi hai chữ, biết rõ như thật nghĩa tướng đã làm, trước đã khéo thực hành tu tâm tăng thượng pháp hành.
2. Tự tướng thông đạt: Là phân biệt các chữ trên hình con sư tử, biết rõ như thật nghĩa tướng đã làm. Những điều còn lại như ở trước đã nói.
3. Năng thủ thông đạt: Là tâm pháp tương ứng với sở duyên của nó biết rõ như thật chỉ là tướng thấu rõ. Phần còn lại như ở trước đã nói.
4. Sở thủ thông đạt: Là đối với tất cả cảnh giới của thức mà biết rõ như thật là hình tướng của thức. Phần còn lại như trước đã nêu.
5. Hệ phục thông đạt: Là biết rõ như thật đối với các hình tướng trói buộc cả đến sự trói buộc nặng nề. Còn lại, những điều khác như ở trước đã nói.
6. Giải thoát thông đạt: Là biết rõ như thật đối với các hình tướng trói buộc, giải thoát và các trói buộc thô nặng cùng sự giải thoát. Phần còn lại như trước đã nói.
7. Pháp tánh thông đạt: Là hiểu biết rõ như thật đối với hành duyên khởi các hiện tượng trói buộc, giải thoát, từ vô thủy đến nay cũng như đối với chân như pháp tánh vắng lặng kia là do trước đã khéo hành và tu trị tăng thượng tâm đối với pháp hành.

Địa, như trong kinh có nói rộng, là mười địa:

1. Địa Cực Hỷ: Là các Bồ-tát an trụ trong địa này thì trước đã khéo tu trị tăng thượng tâm đối với pháp hành nên vượt hơn tất cả hiện quán Thanh văn, Độc giác, chứng được hiện quán của Bồ-tát. Từ chứng chân thật mà được hiện quán vô thượng. Vì Bồ-tát an trụ trong địa này

được hỷ tăng thượng, nên gọi là Cực hỷ.

2. Địa Ly Cấu: Bồ-tát an trụ trong địa này do trước đã khéo tu trị ở Sơ địa nên vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác, chứng được kho tàng Thi-la rất trong sạch. Vì đối trị tới chỗ nhỏ nhiệm của việc phạm giới cấu uế, nên địa này gọi là Ly cấu.

3. Địa Phát Quang: Bồ-tát an trụ trong địa này là trước đã khéo tu trị ở địa thứ hai nên vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác mà chứng được kho tàng Tam-ma-địa rất trong sạch, làm chỗ nương cho trí sáng lớn tột cùng, nên gọi là Phát quang.

4. Địa Diệm tuệ: Bồ-tát an trụ trong địa này là trước đã khéo tu, trị ở địa thứ ba nên vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác mà chứng được kho tàng trí tuệ sâu xa rất trong sạch, duyên theo từng phần giác ngộ, chọn lấy đối tượng, ngay hiện tại nói có khả năng thiêu hết phiền não, nên gọi là Diệm tuệ.

5. Địa Cực Nan Thắng: Bồ-tát an trụ trong địa này là trước đã khéo tu trị ở địa thứ tư nên vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác mà chứng được kho tàng trí tuệ sâu mầu rất trong sạch, hiểu chắc chắn các pháp mình biết, thành tựu được việc hết sức khó thành tựu là ra khỏi sinh tử trôi lăn, trở về với Thánh đạo đã dứt trừ hết các thứ, nên gọi là Cực Nan Thắng.

6. Địa Hiện Tiền: Bồ-tát an trụ trong địa này là trước đã khéo tu trị ở địa thứ năm nên vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác mà chứng được kho tàng trí tuệ sâu sắc rất trong sạch, duyên theo các hành sinh ra hai thứ trí và phi trí, làm dứt trừ hết đối tượng của nó, trí sâu xa mầu nhiệm hiện diện nối tiếp một cách tự tại đối với các hữu tướng, nên gọi là Hiện tiền.

7. Địa Viễn Hành: Bồ-tát an trụ trong địa này là trước đã khéo tu trị ở địa thứ sáu nên vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác mà chứng được kho tàng trí tuệ sâu mầu rất trong sạch, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do đã bước vào các tướng giải thoát đối với tất cả các hiện hành nên gọi là Viễn hành.

8. Địa Bất Động: Bồ-tát an trụ trong địa này là trước đã khéo tu trị ở địa thứ bảy nên vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác mà chứng được kho tàng trí tuệ sâu xa rất trong sạch, giải thoát, giải thoát tri kiến, giải thoát tất cả tướng, tự tại đối với các ngăn che, nối tiếp đạt được hành vô công dụng, là chỗ nương của đạo, nên gọi là Bất động.

9. Địa Thiện tuệ: Bồ-tát an trụ trong địa này là trước đã khéo tu trị ở địa thứ tám nên vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác mà chứng

được kho tàng trí tuệ sâu xa rất trong sạch, giải thoát, giải thoát tri kiến, giải thoát tất cả, lời nói không gì chướng ngại, là chỗ nương của trí tuệ rộng lớn không gì vượt hơn, nên gọi là Thiện tuệ.

10. Địa Pháp Vân: Bồ-tát an trụ trong địa này là trước đã khéo tu trì ở địa thứ chín nên vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác mà chứng được kho tàng trí tuệ sâu mầu rất trong sạch, giải thoát, giải thoát tri kiến, giải thoát phát khởi đại thần thông xua tan các thứ ngăn che trí tuệ, làm chỗ nương cho pháp thân như mây tròn đầy, nên gọi là Pháp vân.

Ba-la-mật-đa, có mười Ba-la-mật như trong kinh có nói rộng:

1. Thí Ba-la-mật-đa: Là Bồ-tát nương vào tâm Bồ-đề, tâm bi dẫn đầu, lấy mười pháp hành giúp khéo tu, trì, lấy bảy thứ thông đạt làm cho gốc của tâm bi thêm vững chắc, thực hiện thí này bằng của cải, bằng chánh pháp, bằng vô úy, lấy năm thứ công đức thuộc về tính đại ngã đó là:

- a. Không mê đắm cho nên xả.
- b. Buông bỏ vì không coi trọng.
- c. Buông bỏ vì không có lỗi.
- d. Buông bỏ vì không còn phân biệt.
- e. Buông bỏ vì hồi hướng.

Do làm như vậy, Bồ-tát đem của cải để thâm nhiếp các hữu hình. Rồi nhờ sống gần gũi với họ và tu tập nhiều Bồ-tát khiến họ có đầy đủ tư lương để họ chứng quả chánh biến tri vô thượng. Nên biết là giới cho đến tuệ cũng làm như bố thí Ba-la-mật-đa này, vì trong ấy có khác nhau.

2. Giới Ba-la-mật-đa: Vì lìa điều ác, vì thâm nhiếp các pháp lành, vì mang lợi ích cho hữu tình Bồ-tát đưa tính của ba nghiệp thân, miệng, ý mình vào luật nghi giới. Do thực hiện các điều ấy, Bồ-tát thâm nhiếp hữu tình bằng thái độ không nổi giận, không bậc dục.

3. Nhẫn Ba-la-mật-đa: Do tu nhẫn nên phải nhận lãnh các sự gây thật hại, không trí tuệ của kẻ khác gây ra, hoặc nhận lãnh các khổ với tính chất không rối loạn, hoặc lấy trí tuệ chân chánh quán xét các pháp. Do thực hiện những việc như vậy nên Bồ-tát dùng tâm nhẫn nhận chịu tất cả các thật hại cho mình. Và chính những tổn hại mình chịu đã ấy cảm hóa được hữu tình.

4. Cần Ba-la-mật-đa: Do mặc áo giáp phát tâm, do có phương tiện gia hạnh, do tính mạnh mẽ, gốc lành thuần thực nối tiếp mãi mãi vì lợi ích chúng sinh, vì thực hiện những việc như vậy, nên dù chưa trừ hết các

thứ hoặc (phiền não), nhưng Bồ-tát vẫn có khả năng chuyên tu hoàn toàn các điều lành.

5. Tĩnh lự Ba-la-mật-đa: Vì nhằm đối trị phiền não, do phát khởi công đức, để đem lại lợi ích cho hữu tình, nên tâm Bồ-tát duyên vào một chỗ duy nhất. Do thực hiện những việc như vậy nên Bồ-tát điều phục hết các phiền não, khiến chúng không còn pháp hiện hành.

6. Tuệ Ba-la-mật-đa: Vì đối trị phiền não, vì phát khởi công đức, để làm lợi ích cho hữu tình nên Bồ-tát biết lựa chọn tính các pháp. Do thực hiện những việc như vậy nên Bồ-tát cắt đứt hẳn các hạt giống của chướng phiền não và chướng sở tri.

7. Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa: Các vị Bồ-tát dùng phương tiện này nhằm cảnh thuận hợp, hoặc nhằm cảnh trái ngược, hoặc vì không cùng sở thích, hoặc để làm ơn, báo ơn, hoặc để thị uy, hoặc làm cho thanh tịnh, dùng ba thứ lợi ích để thâm nhiếp hữu tình về với mình, rồi đối với các nơi chốn tốt đẹp, khiến họ chấp nhận điều mình chỉ bảo, dẫn dắt, khiến họ được an trụ, đứng vững.

8. Nguyện Ba-la-mật-đa: Là trong các Bồ-tát, do tính chất của từng vị, nếu ai nặng về phiền não biếng nhác thì nên phát nguyện chân chánh tu các hạnh lành: Nguyện cho tôi ở vị lai có được tự tính mạnh mẽ, siêng năng, khiến phiền não ngày một mỏng đi. Từ nhân ấy, rồi trong đời khác, Bồ-tát thực hành nguyện mình mong cầu có kết quả, trong việc tu pháp lành trở nên mạnh mẽ hơn.

9. Lực Ba-la-mật-đa: Vì đối với việc tu các pháp lành, Bồ-tát đã làm cho nó thêm mạnh mẽ, nên nương vào sức mạnh ấy để mau phát khởi tĩnh lự Ba-la-mật-đa.

10. Trí Ba-la-mật-đa: Là các Bồ-tát thuộc về kho tàng của Bồ-tát với tĩnh lự Ba-la-mật-đa trí của họ làm người dẫn dắt tuệ thế gian. Nương vào tuệ, mà Bồ-tát có khả năng mau chóng phát khởi trí tuệ xuất thế gian không còn phân biệt, không còn mắc kẹt trong sinh tử, được thuộc về đạo vắng lặng, đó là tuệ Ba-la-mật-đa.

Trong tất cả địa, Bồ-tát tu tập đầy đủ hết mười Ba-la-mật-đa, nếu hành tăng thêm thì chỉ ở sơ địa hành bố thí Ba-la-mật-đa. Còn thứ lớp cho đến trí Ba-la-mật-đa là ở ngôi Thập địa, nên biết. Lại nữa tụng rằng:

*Bồ-tát hành nhiếp sự,
Và Đà-la-ni kia,
Môn Tam-ma-địa thủy,
Vô lượng các tác ý.*

Luận chép: Hạnh Bồ-tát, như trong kinh có nói rộng, có bốn thứ
 ạnh.

1. Hạnh Đáo bỉ ngạn: Nói chung mười Ba-la-mật này là nhằm đưa đến bờ bên kia, giác ngộ tuyệt đối, có ý nghĩa xuất ly của toàn bộ Đại thừa.

2. Hạnh Biến giác phần: Nói chung ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề là nhằm thực hiện từng phần, đưa đến giác ngộ toàn diện, nghĩa là hiểu biết đúng như thật đối với tất cả những gì mình biết.

3. Hạnh Thần thông: Là sáu pháp thần thông, nói chung là công hạnh thần thông, đều để dẫn dắt thân nhiếp các hữu tình để giáo hóa, khiến sinh lòng cung kính đối với giáo nghĩa bậc Thánh.

4. Hạnh Thành thực hữu tình: Là bốn việc thân nhiếp nhằm mục đích làm cho hữu tình thành thực. Khi họ đã thâm nhập lời Thánh giáo hóa thì dùng hai thứ là tài thí và pháp thí. Trong đó, gom họ về bằng tài thí là một phương tiện giúp họ nên người. Còn pháp thí thì đây mới là sự thân nhiếp có giá trị lớn, là phương tiện chuyển tâm hồn theo trình độ, khiến họ nên người có lòng tin.

Bốn lãnh vực Bồ-tát hoạt động gom hữu tình về để giáo hóa ấy gọi là nhiếp hành, vì được căn cứ vào năm hành động thân nhiếp: Một: là khiến họ đi theo sự thân nhiếp ấy. Hai: là khiến họ thân nhiếp trong điều lành. Ba: là khiến họ được thân nhiếp trong sự phát khởi điều lành, siêng năng. Bốn: là khiến họ được thân nhiếp trong sự thuần phục nên người. Năm: là khiến họ được thân nhiếp trong sự giải thoát hoàn toàn. Sự thân nhiếp này, như trong kinh có nói rộng có bốn thứ, nên biết là để tạo dựng sự thành thực cho hữu tình.

Về Môn Đà-la-ni, như trong kinh nói: Các Bồ-tát có vô lượng môn Đà-la-ni. Có thể nói lược tướng mạo của Đà-la-ni là Bồ-tát thông thạo các thứ chữ, thông đạt như ý mình một các tự tại khi đọc đến từ ngữ hay câu văn. Được sự thông thái ấy là do Bồ-tát nhờ sức niệm trì thật vững chãi. Từ sức mạnh của niệm như vậy nên chỉ cần theo một chữ trong bất cứ câu nào, Bồ-tát cũng có khả năng phân tích giảng nói sáng tỏ ý nghĩa của các thứ pháp nhiệm tịnh, vì thế gọi là môn Đà-la-ni.

Môn Tam-ma-địa: Là Bồ-tát có vô lượng pháp môn Tam-ma-địa trong kinh có nói rộng. Nếu muốn nói lược lại có tám thứ là: Từ Sơ tĩnh lự cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, các Bồ-tát Ma-ha-tát đều nương vào Tam-ma-địa này một cách chắc chắn làm phát sinh ra vô lượng Tam-ma-địa khác. Các Thanh văn, Độc giác không đạt tới tên gọi này. Các việc nơi các Tam-ma-địa khác làm ở các thế giới mười phương đều

đặt trên nền tảng của Tam-ma-địa này, nên gọi là môn Tam-ma-địa.

Tác ý vô lượng: Có năm tác ý vô lượng, trong kinh có nói rộng là:

1. Vô lượng tác ý Hữu tình: Là Bồ-tát lấy pháp hành tăng thượng, từ chỗ khéo tu trị sinh ra ý niệm sâu xa là tư duy đến những thứ khác nhau của các thứ nghiệp báo không kể xiết của tất cả hữu tình trong các thế giới ở mười phương. Hữu tình một chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, hoặc có sắc, không sắc, hoặc có tướng, không tướng, phi hữu tướng, phi Vô tướng, hoặc ở cõi Dục, ở cõi Sắc, ở cõi Vô sắc, hoặc ở cõi Na-lặc-ca, bàng sinh, ngạ quỷ, người, trời hoặc sinh từ trứng, sinh từ ẩm ướt, sinh từ bào thai, sinh từ biến hóa. Bồ-tát tư duy và biết rõ như thật tất cả, các hữu tình ra đi và trở về cũng thế, ô nhiễm cũng thế thanh tịnh cũng thế tà hạnh cũng thế chánh hạnh cũng thế, cũng thế thực hành khác nhau, các dị thực sinh cũng thế, cũng thế.

2. Vô lượng tác ý thế giới: Là Bồ-tát khởi ý niệm và tư duy đến hình tướng khi thế giới cho đến vô lượng thế giới khác trong mười phương. Đã tư duy và biết rõ như thật biết thế giới này nhiễm ô, thế giới kia thanh tịnh, đều biết rõ như thật, thấy đều là huyễn hóa, đều là những hình ảnh của phân biệt luống dối không thực, trôi nổi theo tướng của nó, từ đó mà xây dựng ra hình mạo khác nhau về thành, hoại, về hơn, kém, về thô, tế, về xa, về gần, hay xa, hoặc lại phân tích cho đến cực vi, hoặc nói rộng hay nói sơ lược, hoặc đối với hiện hóa, hoặc đối với biến dị, hoặc đối với xa gần, hoặc đối với ẩn hiện. Các việc cũng thế, Bồ-tát đều biết rõ như thật một cách tự tại.

3. Vô lượng tác ý Pháp giới: Là Bồ-tát khởi ý niệm và tư duy đến tướng chung và tướng riêng của tất cả các pháp trong mười phương vô lượng thế giới. Đã tư duy và biết rõ như thật: pháp này là sắc, pháp kia phi sắc. Như sắc, phi sắc, cũng thế có kiến hay không có kiến, hữu đối hay vô đối, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi, vô vi, thiện, bất thiện, vô ký, có lỗi hay không lỗi, thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, Hữu học, Vô học, phi học, phi Vô học, kiến đoạn, tu đoạn, vô đoạn, pháp chuyển, pháp hoàn, pháp nhiễm, pháp tịnh, pháp trôi lăn, pháp vắng lặng, pháp dị sinh, pháp hiển thánh, pháp Thanh văn, pháp Độc giác và pháp Như lai. Bồ-tát biết rõ như thật đối với các pháp cũng thế.

4. Vô lượng tác ý về chỗ được điều phục: Là các Bồ-tát cho đến tư duy đến các hành nghiệp, các tính khí của hữu tình do mình giáo hóa trong vô lượng thế giới ở mười phương. Hoặc chủng tánh Thanh văn, hoặc chủng tánh Độc giác, hoặc chủng tánh Như lai, các chủng tánh cũng thế, đều được điều phục, đã được tư duy, đã biết rõ như thật.

Người được Bồ-tát điều phục: Đó là ba trình độ là yếu kém, trung bình và khôn lanh. Đó là hạng hiểu biết kém hay hạng hiểu biết xuất sắc sâu rộng. Đây là căn tính tham và nghiệp tham A-thế-da (ý lạc). Đây là sân, nghiệp sân A-thế-da. Đây là si với nghiệp si A-thế-da, đây là A-thế-da không thẳng tiến. Còn đây là thuộc về trần cấu nhỏ mỏng của A-thế-da Hiền thiện, đây là loại tùy miên tăng mạnh, kia là loại tùy miên mỏng manh, đây là tùy miên rất nhỏ nhiệm. Đây là tùy miên yếu kém, kia là tùy miên không yếu kém. Đây là tùy miên bao trùm, kia là tùy miên lẻ tẻ. Đây là trình độ hiểu nhờ nói rộng, kia là trình độ hiểu ngay. Đây là hạng bị ruồng bỏ đã bị điều phục, kia là hạng được thấu nhiếp do điều phục. Đây là hạng mềm mỏng đã được khuất phục, kia là hạng tính khí thô bỉ đã được điều phục. Đây là hạng thô tế đã được điều phục. Đây là hạng phải gác qua một bên mới điều phục được. Các căn cơ như vậy, Bồ-tát đều hiểu biết như thật.

5. Vô lượng tác ý điều phục phương tiện: Là Bồ-tát khởi ý niệm và tư duy đến các phương tiện điều phục hữu tình do mình giáo hóa trong vô lượng thế giới ở mười phương. Đã tư duy đã hiểu biết như thật. Đây là hạng được điều phục bằng cách nói pháp bí mật, đây là hạng điều phục được bằng cách nói rõ. Đây là hạng dùng phương tiện thấu nhiếp, kia là hạng phải dùng phương tiện bề gãy các ương ngành của nó mới thấu nhiếp được. Đây là chuyển phương tiện, kia là theo đó mà chuyển phương tiện. Đây là hạng dễ nghe theo, kia là hạng trái ngược. Đây là hạng không đồng phần A-thế-da, đây là hạng làm ơn đền ơn, đây là hạng phải biểu thị nạt nộ uy hiếp. Đây là hạng thanh tịnh. Đây là hạng phải biểu thị bằng cách hiện phép lạ biến hóa. Đây là hạng được biểu thị bằng thọ ký đặc biệt. Đây là hạng được biểu thị bằng sự dạy bảo đặc biệt. Đây là hạng được biểu thị bằng các thứ uy thế. Đây là hạng được dạy bảo bằng nhiều lối dẫn dụ hay. Đây là hạng tướng thô bỉ. Đây là hạng tướng mềm mỏng. Đây là đủ hai tướng thô bỉ và mềm mỏng. Đây là hạng phải gác qua một bên. Đây là hạng được điều phục bằng cách nói lược giáo pháp quan trọng, các phương tiện nhiều như vậy, Bồ-tát đều hiểu biết đúng như thật.

Lại nữa, tụng rằng:

*Tướng tác ý chân như,
Tin, hiểu không nghĩ bàn,
A-thế-da rộng lớn,
Nên biết các tự số.*

Luận chép: Tác ý tướng chân như là tác ý duyên theo bảy thứ

chân như hiện bày khắp, như trong kinh có nói rộng là:

1. Tác ý Trôi lăn chân như: Là sau khi đã thấy được chân đế, các Bồ-tát dùng pháp hành tăng thượng để khéo tu trị. Lúc khởi ý đối với pháp nhiệm tịnh thì tư duy đến tính chất trôi nổi thật của các hành từ vô thủy cho đến giờ. Đã tư duy như vậy rồi, Bồ-tát lìa khỏi ý niệm không nguyên nhân, ý niệm không bình đẳng.

2. Tác ý thật tướng chân như: Như nói ở trên, cho đến đối với pháp nhiệm tịnh mà tư duy các pháp, tư duy đến tính chất vô ngã của chúng sinh, và tính chất vô ngã của các pháp. Đã tư duy như vậy rồi Bồ-tát không còn khởi ý niệm về quan niệm cho thân là có ngã, và tư duy các tướng.

3. Tác ý Duy thức chân như: Như nói ở trên, cho đến đối với chỗ nương của pháp nhiệm tịnh, tư duy tính duy thức của các pháp. Đã tư duy và biết rõ như thật là chỉ vì tâm ta ô nhiễm nên chúng sinh mới ô nhiễm, một khi tâm ta hoàn toàn thanh tịnh thì chúng sinh được thanh tịnh.

4. Tác ý An lập chân như: Như nói ở trên, cho đến đối với thể của các pháp nhiệm ô thì tư duy khổ đế. Đã tư duy như vậy, vì muốn cho hữu tình biết rõ nên Bồ-tát nói cho hữu tình nghe.

5. Tác ý Tà hạnh chân như: Như nói ở trên, cho đến đối với nguyên nhân của các nhiễm ô thì tư duy đến tập đế. Đã tư duy như vậy rồi, vì muốn hữu tình cắt đứt nó nên Bồ-tát nói nguyên nhân của khổ.

6. Tác ý Thanh tịnh chân như: Như nói ở trên, cho đến đối với thể của pháp thanh tịnh thì tư duy diệt đế. Đã tư duy như vậy rồi vì muốn cho hữu tình chứng được Niết-bàn, nên Bồ-tát mới nói phương pháp đi tới đó.

7. Tác ý Chánh hạnh chân như: Như nói ở trên, cho đến đối với pháp hành thanh tịnh thì tư duy đạo đế. Đã tư duy như vậy rồi thì muốn cho hữu tình tu tám chánh đạo, nên Bồ-tát nói cho hữu tình nghe.

Tin, hiểu không thể nghĩ bàn: Là như trong kinh nói rộng: Đối với những điều khó nghĩ tới thì Bồ-tát đã có lòng tin hiểu. Nếu muốn nói lược về tướng của lòng tin và sự hiểu biết thì có nghĩa là nói về nghĩa hết sức sâu xa của những gì mình hiểu biết. Như vậy là đã bước vào địa của các Bồ-tát và đã bước vào cảnh giới Như lai đã thực hiện. Và oai đức lớn tột cùng của Chư Phật và Bồ-tát đã làm phát sinh lòng tin thuần khiết kia. Vì oai đức ấy là một cảnh giới khó nghĩ bàn. Đã thấu ngộ rồi thì lòng tin và sự tin hiểu phát sinh.

A-thế-da rộng lớn: là A-thế-da đại ngã và A-thế-đa rộng khắp.

A-thế-da đại ngã là: Bồ-tát đã giác ngộ nên thấy mình và người bình đẳng, vì các hữu tình đều được giải thoát, thanh tịnh, có lòng tin và muốn tiến lên.

A-thế-đa rộng khắp là: Các Bồ-tát đạt tới chỗ hiểu biết không còn chia cắt, coi các thứ đều bình đẳng đối với sinh tử và Niết-bàn. Nhưng vì muốn đem ích lợi cho hữu tình, nên Bồ-tát không trụ ở cả hai cảnh giới sinh tử, Niết-bàn, thanh tịnh và lòng tin muốn tiến lên. Điều ấy nên biết.

Các tự số là: Là nên biết tự số của các phần giác, cũng thế, là đã nói phần giác ngộ. Về Bồ-đặc-già-la nay sẽ nói, Tụng rằng:

*Bấy tùy tín hạnh thấy,
Còn tám thứ nên biết,
Và cực thất phần thấy
Thoái pháp thấy có sáu.*

Luận chép: Nên biết Bồ-đặc-già-la có nhiều thứ. Nay giải thích trước bảy bậc Hiền Thánh, là tùy theo bảy điều như tín, hạnh, v.v... trong kinh có nói rộng:

1. Tùy tín hành: Là như chỉ có một tính khí mềm mỏng đã quá quen, tồn tại từ trước đến giờ, lúc nào cũng hiểu biết và thực hành. Từ duyên gốc ấy mà hiện tại, đối với những sự thực hiểu và làm theo chiều hướng để xét cái như thật.

2. Tùy pháp hành: Là như chỉ có một khả năng lanh lợi tồn tại từ trước đến giờ, lúc nào cũng biết lựa chọn pháp để tu. Từ duyên gốc ấy mà hiện tại đối với những sự thực biết lựa chọn pháp để tu theo chiều hướng để quán.

3. Tin hiểu: Là theo lòng tin mà thực hành tu tập, đã thấy được chân đế của bậc Thánh đế.

4. Kiến chí: tức Tùy pháp hành, đã thấy được bậc Thánh đế.

5. Thân chứng: Là đối với tám pháp giải thoát, chính mình đã chứng đầy đủ, ở yên trong đó, nhưng đối với các lậu tận diệt không còn sót, mình chưa diệt hết.

6. Tuệ giải thoát: Là diệt hết các lậu, không còn sót, nhưng chưa chứng ngộ đầy đủ và ở yên trong thân tám giải thoát.

7. Câu giải thoát: Là đã diệt hết các lậu, không còn sót, và đã chứng ngộ đầy đủ, ở yên trong thân tám giải thoát.

Tám thứ: Là tám thứ hưởng quả như quả Dự lưu trong kinh đây nói rộng là:

1. Dự lưu hưởng: Là như có một trạng thái thuần phục nối tiếp,

vượt hết địa dị sinh bên ngoài nhập vào chính tính, ly sinh, nếu chưa chứng được quả Dự lưu thì không bao giờ mất giữa chừng.

2. Quả Dự lưu: Là nếu tùy thắng giải thì dứt hẳn ba kiết sử. Nếu thuộc hoàn toàn thắng giải thì dứt hẳn các mê lầm mà đạo kiến đã dứt. Từ đó, bậc Thánh đã thấy được sự thật (kiến đế) nên đầu tiên chứng được hành quả nghịch lưu.

3. Nhất lai hương: như có một hoặc đạo thế gian đã lia bỏ tham cõi Dục gấp hai lần nhập vào chánh tư duy lia sự sống chết, hoặc quả Dự lưu đã dứt trừ mê lầm phẩm thượng, phẩm trung cõi Dục, và tu hạnh đối trị.

4. Quả nhất lai: Hoặc xa lia gấp hai sự lia dục rồi mà nhập vào chánh tánh ly sanh, rồi sau đó mới chứng đắc. Hay trong quả Dự lưu, tiến đến dứt trừ, hoặc phẩm thượng, trung của cõi Dục rồi mới chứng được. Dựa vào sự dứt trừ ấy gọi là tham sân si của cõi Dục mỏng nhỏ. Làm sao biết được? Khi ta trừ tính tác ý quán xét cảnh giới tâm phát sinh ý niệm buông xả, không còn thói quen của tâm hướng về đắm nhiễm, hướng về cõi khác nhằm đến nơi nào. Nên biết ba độc của người ấy đã mỏng nhỏ.

5. Bất Hoàn hương: như có một hoặc đạo thế gian, trước đã lia tham cõi Dục, nhập vào chánh tánh ly sinh. Hoặc ở quả Nhất lai đã dứt trừ các phiền não còn sót ở cõi Dục rồi tu tập hạnh đối trị.

6. Bất Hoàn quả: Hoặc trước lia tham dục, nhập vào chánh tánh ly sinh, lia sống chết sau đó mới chứng được. Hoặc ở quả vị nhất lai đã dứt trừ các phiền não còn sót ở cõi Dục mà chứng được.

7. A-la-hán hương là như có một Hữu học, đã thấy dấu vết đạo vì đã dứt trừ phiền não cõi Phi tưởng Phi phi tưởng, rồi tu tập hạnh đối trị.

8. Quả A-la-hán là dứt trừ hẳn phiền não ở cõi Phi tưởng phi Phi tưởng mới chứng được.

Cực thất phản (tối đa là bảy lần trở lại)... là mức cùng cực bảy lần trở lại, được lập ra từ tám y sinh như trong kinh có nói rộng:

1. Cực thất phản là quả Dự lưu: Do khéo tu tập Thánh đạo nên sinh lên cõi trời hoặc ở nhân gian, hoặc ở cõi trời hay nhân gian, chịu bảy lần sống chết mà hết khổ tới biên giới cuối cùng.

2. Gia gia là quả Dự lưu: Do khéo tu tập Thánh đạo nên sinh lên cõi trời hoặc ở nhân gian [phải sinh lại hai lần] như từ nhà này đến nhà khác mà hết khổ tới biên giới cuối cùng.

3. Nhất gián tức quả Nhất lai: Do khéo tu tập Thánh đạo nên sinh

lên cõi trời là chứng ngộ cảnh vắng lặng ngay chỗ ấy. Hay sinh vào loài người thì cũng chứng ngộ cảnh vắng lặng ở ngay đây.

4. Trung gian chứng vắng lặng: Là quả Bất Hoàn đã cắt đứt cội rễ của kiết tái sinh, nhưng chưa cắt hết ý niệm hưởng đến đời sống trời buộc. Nhờ sức tu tập thượng phẩm Thánh đạo nên chứng được vắng lặng ngay trung hữu. Hoặc có người không hưởng đến đời sống tái sinh nữa mà chứng được vắng lặng. Hoặc có người còn hưởng đến đời sống, nhưng chưa đến đời sống ấy để chứng được vắng lặng.

5. Sinh chứng vắng lặng: Là quả Bất Hoàn. Nhờ tu tập trung phẩm Thánh đạo tùy ý muốn nên sinh lên cõi trời nào đó, dù chưa dứt hết hai thứ sinh kiết. Và ngay lúc mới sinh ấy liền chứng vắng lặng.

6. Vô hành chứng vắng lặng: Là bậc Thánh này chỉ thực hành ít công hạnh và tinh tấn vừa chứng vắng lặng. Còn lại, đều như các quả vị đã nói trước.

7. Hữu hành chứng vắng lặng: Là quả Bất Hoàn. Do tu tập phẩm hạ Thánh đạo, tùy ý muốn nên sinh cõi trời nào đó, dù chưa dứt hai kiết sử. Tùy ý sinh về một chỗ nào, sinh lên cõi trời, thực hành nhiều hạnh rồi, và thường tinh tấn nên chứng nhập vắng lặng.

8. Thượng lưu là quả Bất Hoàn, tùy ý muốn nên sinh lên cõi trời nào đó, nhưng ở cõi ấy không có khả năng dứt hết các lậu, phải lên một bậc, sinh vào một thân khác mới chứng nhập vắng lặng.

Thoái pháp, v.v... có sáu thứ: Là pháp thoái lui của bậc Vô học, như trong kinh có nói rộng là:

1. Thoái pháp: Là thành tựu căn tính mềm mỏng như vậy, rồi tư duy tự hại hay không tự hại, hoặc buông lung hay không buông lung, đều đưa đến mất mát trong pháp lạc trụ, không thích công đức thế gian, không rèn luyện các căn nên không thể làm phát sinh những công đức vượt trội.

2. Tư pháp: Là thành tựu căn tính mềm mỏng như vậy, nếu nghĩ đến tự hại tức là không thoái chuyển. Lúc không nghĩ đến hại là có thể thoái chuyển. Vì ấy nghĩ rằng: Nếu ta thắng các ma, chứ không để ma thắng ta, nghĩ như vậy rồi liền nghĩ đến tự hại. Hạng này cũng không có khả năng rèn luyện các căn nên không thể làm phát sinh những công đức vượt trội.

3. Hộ pháp: Là thành tựu căn tính mềm mỏng như vậy, dù không nghĩ đến tự hại, không sống buông lung không thể thoái chuyển. Nếu tâm ý buông lung thì có thể bị thoái chuyển, mất mát. Hạng này không có khả năng rèn luyện các căn nên không thể làm phát sinh những công

đức vượt trội.

4. Trụ Bất động: Là thành tựu căn tính mềm mỏng như vậy, dù không nghĩ đến tự hại, không sống buông lung nên không thể thoái chuyển. Hạng này không có khả năng rèn luyện các căn nên không thể làm phát sinh những công đức vượt trội.

5. Kham năng thông đạt: Là thành tựu căn tính mềm mỏng như vậy, có khả năng không thoái chuyển, có khả năng rèn luyện các căn nên có thể làm phát sinh những công đức vượt trội.

6. Bất Động pháp: Là từ trước đến giờ, thành tựu căn tính khôn lanh. Người này đối với các gốc lành, bù bị lung lạc do các pháp thoái chuyển, cũng không lay động do công đức cao quý phát sinh và rèn luyện các gốc lành, nên gọi là Bất động pháp.

Lại nữa, tụng rằng:

Bảy thứ nhuuyến căn thủy.

Tại gia và, xuất gia,

Ba như Thanh văn thủy.

Có thể, không thể cứu.

Bảy thứ căn mềm mỏng gồm:

1. Nhuuyến căn: Là thành tựu năm căn như Tín căn, v.v... hoặc bản tính vốn mềm mỏng, hoặc chưa tăng trưởng nên khi cần vượt hơn thì gia hạnh chậm chạp.

2. Lợi căn, nên biết là trái với căn trên.

3. Tham hạnh là tham dục vốn tập quen từ đời trước, nhưng nay lại không tu tập phép đối trị lòng tham. Do vậy, ngay trong đời sống này khởi lên tham ái mạnh mẽ cứ tiếp nối, cho dù bất gặp một cảnh giới đáng yêu thấp kém đi nữa, vẫn không nhàm chán xa lìa ham muốn. Đối với việc tu pháp lành, gia hạnh chậm lụt như hành vi tham.

4. Sân hạnh.

5. Si hạnh cũng thế. Trong ấy cũng có chỗ khác nhau là dù gặp chuyện đáng giận tâm thường cũng vẫn nổi giận, dù gặp chuyện tầm thường vẫn sinh ngu si dữ dội.

6. Đẳng phần hành: Là đời trước không quen theo tham dục sân si phẩm thượng, nếu có bị thói quen đó thì biết lo tu tập pháp đối trị lại chúng. Do vậy, nên trong đời này nếu gặp ba thứ đáng yêu thì tùy hoàn cảnh thứ nào mà phát sinh những mê lầm trói buộc của tham sân si, tương ứng. Buông lìa nó không dễ cũng không khó, không phải khó chán hay dễ chán. Đối với việc tu tập pháp lành thì không tiến mau nhưng không chậm.

7. Bạch trần hành: là như có ai đó, trong đời quá khứ không bị chi phối lâu với tham dục sân si, nhưng đã biết tu tập pháp đối trị chúng. Do vậy, ngay trong đời này, dù gặp cảnh đáng yêu tốt đẹp đi nữa vẫn không bị trói buộc do tham sân si kia. Dù có lúc tham dục sân si khởi lên ở phẩm trung, hạ, nhưng vẫn dễ nhàm chán lìa bỏ chúng, đối với việc tu tập pháp lành thì tiến tới mau chóng.

Tại gia: Là người bạch y ở nhà, thọ dụng năm dục, làm ăn lo sự nghiệp để nuôi sống mình.

Xuất gia: Là giữ tướng mạo của người xuất gia, xả bỏ cảnh sống thế tục, giữ giới đã thọ, sống đời trong sạch, khát thực nuôi sống.

Thừa Thanh văn gồm có ba là:

1. Thừa Thanh văn là an trụ trong pháp tánh Thanh văn, là khiến mình chứng vắng lặng. Phát nguyện chính đáng rồi thì tu hạnh phương tiện.

2. Thừa Độc giác là an trụ trong pháp tánh Độc giác là khiến mình chứng vắng lặng không do thầy dạy bảo. Phát nguyện chính đáng xong thì tu hạnh phương tiện.

3. Đại thừa là an trụ trong pháp tánh Đại thừa, là mong mình và người cùng chứng vắng lặng, không do thầy dạy, phát nguyện chính chắn rồi, tu hạnh phương tiện.

Có thể cứu: là pháp tánh vắng lặng ba thừa.

Không thể cứu: là không có pháp tánh vắng lặng của ba thừa. Lại nữa, bài tụng rằng:

Chín nhập phương tiện thầy

Sinh, sai khác nên hai.

Lại do các cõi khác,

Nên biết mười ba thứ.

Luận chép: Chín thứ như nhập phương tiện, v.v... là

1. Đã nhập phương tiện: Là có lòng tin vững chắc trong sạch đối với pháp Tỳ-nại-da do Đức Như lai tự giác tự nói. Đã thọ giới rồi, nghe chánh pháp, làm cho gốc lành thêm lớn, buông xả trần cấu, quên mình nhận thức ngay được chánh kiến.

2. Chưa nhập phương tiện thì trái với điều nói trên.

3. Hữu chướng: Là có ba chướng: Một là chướng phiền não; hai là chướng nghiệp; ba là chướng báo. Chúng đều gây trở ngại cho việc tu tập pháp lành.

4. Vô chướng: Là trái với điều vừa nói trên.

5. Chưa thành thực: Là chưa có được gốc lành, dù tu tập chưa

nhóm nổi tiếp nhiều ngày tháng, nhưng không chứng ngộ hiện pháp và không thấy rõ được chân đế, không chứng được vắng lặng của hiện pháp hạ, trung, thượng thừa.

6. Đã thành thực là trái với pháp nói trên.

7. Cụ phược: Là đầy đủ các trói buộc, đó là phàm phu.

8. Bất cụ phược: Là gồm thứ sáu thứ Hữu học của bậc Thánh là từ quả Dự lưu cho đến bậc sáu thứ là A-la-hán hướng.

9. Không trói buộc: Là quả A-la-hán Vô học. Có hai thứ khác nhau: Một: là Cõi người là sinh vào loài người, được thành giống người. Hai: là Không phải cõi người là sinh vào các loài khác nhau như Na-lạc-ca, bàng sinh ngã quý, các hàng trời, rồng, Dược-xoa, A-tổ-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mâu-hô-lạc-đà.

Lại do các cõi khác nhau, nên biết có mười ba thứ:

1. Cõi Dục dị sinh: Là những người sinh vào cõi Dục, chưa thấy được chân đế.

2. Cõi Dục Hữu học: Là sinh vào cõi Dục rồi, thấy được chân đế bậc Thánh gồm sáu thứ Hữu học là từ quả Dự lưu cho đến bậc sáu thứ là A-la-hán hướng.

3. Cõi Dục Vô học: Là quả A-la-hán ở cõi Dục.

4. Cõi Sắc dị sinh: Là sinh vào cõi Sắc, chưa thấy được chân đế.

5. Cõi Sắc Hữu học: Là sinh vào cõi Sắc rồi, thấy được chân đế bậc Thánh có hai thứ Hữu học: Một: là quả Bất Hoàn; Hai: là A-la-hán hướng.

6. cõi Sắc Vô học: Là quả A-la-hán sinh vào cõi Sắc.

7. Vô sắc dị sinh: Là sinh vào cõi Vô sắc, chưa thấy được chân đế.

8. Vô sắc Hữu học: Là sinh vào cõi Vô sắc, đã thấy được chân đế có hai thứ Hữu học: Một: là quả Bất Hoàn; Hai: là A-la-hán hướng.

9. Vô sắc Vô học: Là quả A-la-hán ở cõi Vô sắc.

10. cõi Dục Độc giác: Là an trụ trong pháp tánh Độc giác. Đời trước chưa thấy chân đế hay đã thấy chân đế, đời này sinh vào cõi Dục, không do thầy dạy bảo, nhờ ở sự cố gắng ban đầu của mình, tu tập giác phần mà chứng ngộ, các kiết sử đều dứt. Độc giác này lại có hai loại: Một: là như khiết già, đi một mình; Hai: là một mình vượt hơn các người mà đi.

11. Cõi Dục Bồ-tát: Là sinh vào cõi Dục an trụ trong pháp tánh Bồ-tát. Vì muốn mình người đều chứng vắng lặng, nên phát nguyện chính đáng, tu tập các hạnh phương tiện Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác.

12. cõi Sắc Bồ-tát: Là sinh ở cõi Sắc, an trụ trong pháp tánh Bồ-tát xa lìa vô sắc, tu tập các tĩnh lự nhằm làm cho mình, người đều chứng vắng lặng, đã phát chánh nguyện tu tập tất cả hạnh phương tiện Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

13. Chư Phật Như lai Bất khả tư nghì: Là an trụ trong tu tập, không còn sinh tử, nhập vào đường vô phân biệt vắng lặng, đồng thời chứng như Chư Phật là quả chuyển y tràn khắp vô thượng thuộc thân pháp giải thoát, làm tất cả các ích lợi cho hữu tình trong thế giới ở mười phương, không bao giờ ngừng nghỉ. Như vậy đã nói xong. Nay sẽ nói về quả của Bồ-đặc-già-la, tụng rằng:

*Quả đoạn có năm thứ,
Biến tri và thanh tịnh,
Quả tịnh, giới Bồ-đề,
Vô học do tự số.*

Luận chép: Quả đoạn có năm thứ là năm thứ dứt trừ trong các quả:

1. Dứt trừ các trói buộc: Là nhờ bốn thứ đối trị mà lìa khỏi các phiền não trói buộc hiện hành. Bốn thứ đối trị gồm: Một: là Đối trị tán loạn; hai: là Đối trị sáng tỏ; ba: là Đối trị yếu kém; bốn: là Đối trị khuất phục.

- Đối trị tán loạn: Là phương tiện tu tập trong tám pháp hành mẫu nhiệm, hoặc còn tu tập phương tiện pháp lành đối với các cõi định khác.

- Đối trị sáng tỏ: Là tu tập phương tiện pháp hành của địa thứ chín. - Đối trị yếu kém: Là ban đầu nhờ tâm được nuôi dưỡng pháp lành, nên phiền não, suy yếu.

- Đối trị khuất phục: Là từ đạo thế gian, theo sức mình mà chế ngự, đập vỡ các hạt giống phiền não.

2. Dứt trừ tùy miên: Từ đạo xuất thế gian, tùy năng lực mà dứt trừ hẳn hạt giống phiền não.

3. Dứt trừ hẳn tham dục: Là dứt trừ hẳn mê lầm tùy miên nên dứt hết phiền não tham, tức tham được dứt trừ hẳn.

4. Dứt trừ hẳn sân, cũng như vậy.

5. Dứt hết hẳn si mê: Nên biết do sức mạnh của tri kiến thông đạt hết sức trong mà dứt trừ sạch hết các thứ phiền não, gọi là dứt hết hẳn.

Biến tri: Là có chín thứ biến tri (biết khắp) thuộc các quả dựa vào

dứt biết khắp:

1. Do dục trói buộc mà thấy khổ tập nên dứt trừ phiền não, biết khắp dứt, vì thuộc về hai đế hữu lậu.
2. Do Sắc, vô sắc trói buộc mà thấy khổ và tập nên dứt trừ phiền não, biết khắp dứt vì thuộc về hai cõi định địa.
3. Từ trói buộc của cõi Dục mà thấy được diệt đế, dứt trừ phiền não, biết khắp dứt nó thuộc về vô lậu, vô vi.
4. Từ sự trói buộc ở cõi Sắc vô sắc mà thấy được diệt đế, dứt trừ phiền não, biết khắp dứt, nó thuộc về định tăng thượng địa.
5. Từ trói buộc cõi Dục, mà thấy đạo đế, dứt trừ phiền não, biết khắp dứt, nó thuộc về vô lậu hữu vi.
6. Từ trói buộc nơi sắc, vô sắc mà thấy đạo đế, dứt trừ phiền não, biết khắp dứt, thuộc về định địa tăng thượng.
7. Từ năm thuận hạ phần kiết sử biết khắp dứt vượt qua các cõi d
- ười. 8. Sắc tham biết khắp cùng tận, vượt qua cõi trung.
9. Tham ở cõi Vô sắc biết khắp cùng, vì đã vượt qua cõi mẫu nhiệm.

Thanh tịnh: như kinh có nói rộng, có chín thứ là:

1. Thi-la thanh tịnh: Như có người khéo sống trong Thi-la và khéo giữ giới biệt giải thoát, như pháp sống với oai nghi đầy đủ, phạm tội nhẹ đi nữa vẫn thấy rất lo sợ khi thọ học xứ.
2. Tâm thanh tịnh: Như người nương giới luật thanh tịnh, lìa các pháp dục ác, bất thiện, như trước đã nói, sống yên đầy đủ trong Sơ tinh lự, tinh lự hai, ba, bốn.
3. Kiến thanh tịnh: Như người tâm thanh tịnh đầy đủ, trong sạch không chút bợn nhơ, lìa bỏ phiền não, an trụ trong bất động. Vì muốn chứng ngộ trí lậu tận nên quán xét các đế, hiểu rõ như thật, biết đây là khổ đế, đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh đế, đây là hướng tới khổ diệt hành đạo Thánh đế.
4. Độ nghi thanh tịnh: Có người nương vào kiến thanh tịnh, không mê lầm, không ngờ vực đối với Phật Pháp Tăng.
5. Đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh: Như có người nương vào tâm thanh tịnh đã vượt qua nghi ngờ nên chứng được tri kiến mẫu nhiệm. Làm theo đạo do Phật nói, tăng hành, nên được ra khỏi sinh tử. Việc ấy ra sao? Là diệt hết khổ và chứng tới bờ mé cuối cùng của khổ. Còn như ngoại đạo nói thì không thể làm theo để dứt hết khổ và không chứng tới bờ mé cuối cùng của khổ.

6. Hành trí kiến thanh tịnh: Như có người nường vào năm điều nói trên, biết đường ra khỏi sinh tử có ba loại là hạ, trung, thượng. Hạ là hành thuộc về khổ trì thông. Trung là hành thuộc về khổ tức thông lạc trì thông. Thượng là hành thuộc về lạc tức thông.

7. Hành đoạn trí kiến thanh tịnh: Như có người nường vào hành trí kiến thanh tịnh được trí kiến đúng đắn, bảo ta nên dứt trừ hạnh bậc thấp, và muốn phát khởi hạnh Thánh tốt đẹp hơn.

8. Vô duyên vắng lặng thanh tịnh: Là như có người nường vào hạnh đoạn trí kiến thanh tịnh, chứng được vô dư, các lậu đều hết sạch hẳn.

9. Cõi nước thanh tịnh: Là Chư Phật đều có quả công năng vô thượng, có năng lực thị hiện cõi nước trang nghiêm không thể nghĩ bàn với ý tưởng hết sức thanh tịnh của Phật, của Bồ-tát và của quyền thuộc.

Tịnh: Là bốn chứng tịnh, như trong kinh có nói rộng là:

Phật chứng tịnh: Là người đã kiến đế, ở chỗ Như lai khéo an trụ vào tín xuất thế gian, sau khi đã được khéo an trụ vào lòng tin xuất thế gian thì như Phật đã chứng tới chỗ thanh tịnh. Pháp chứng tịnh thứ hai và Tăng chứng tịnh thứ ba nên biết như vậy. Bốn Chứng giới thanh tịnh được các bậc Thánh yêu thích: Là đã thấy được chân đế đối với pháp bậc Thánh yêu mến, đã được quyết định luật nghi không tạo tác, đã khéo an trụ vào niềm tin xuất thế gian, về sau được khéo an trụ trong lòng tin ở thế gian.

Quả: Là bốn quả Sa-môn, như trong kinh có nói rộng là:

1. Quả Sa-môn Dự lưu: Nếu tùy theo sự thâm nhiếp cao quý tức dứt hết ba kiết sử là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Nếu thâm nhiếp toàn phần, thì là đạo các phiền não do kiến đạo dứt đều được dứt trừ hẳn. Do vậy, được quả Dự lưu, không bị đọa lạc, hoặc tối đa là bảy lần trở lại, hoặc lại đến bậc Gia gia.

2. Quả Sa-môn Nhất lai: Nếu tùy theo sự thâm nhiếp cao quý thì dứt trừ hẳn ba kiết, tham sân si yếu mỏng. Nếu thâm nhiếp toàn phần thì tất cả phiền não thượng phẩm, trung phẩm trói buộc ở cõi Dục đều bị dứt hết hẳn do tu đạo. Do vậy, được quả Nhất lai, hoặc còn một trung gian.

3. Quả Sa-môn Bất Hoàn: Nếu theo sự thâm nhiếp cao quý thì dứt trừ hẳn thuận hạ phần kiết sử là thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục và sân giận. Nếu thâm nhiếp toàn phần thì tất cả phiền não dứt hết do kiến đạo. Và các phiền não trói buộc ở cõi Dục đều dứt hẳn do tu đạo,

hoặc phiền não trói buộc ở cõi Sắc cũng được dứt hẳn, hoặc một phần phiền não ở cõi Vô sắc, cũng được cắt đứt. Do vậy, đạt quả Bất Hoàn, hoặc nửa chừng nhập Niết-bàn, hoặc sống với Niết-bàn, hoặc Niết-bàn vô hành, hoặc Niết-bàn hữu hành, hoặc còn ở thượng lưu.

4. Quả Sa-môn A-la-hán: Là nếu theo sự thâm nhiếp cao quý thì dứt trừ hẳn tham dục sân si không còn sót. Nếu thâm nhiếp toàn phần thì dứt các thứ phiền não do kiến đạo. Do vậy, đạt quả A-la-hán, với các lậu dứt sạch, cho đến nói rộng, về quả vị A-la-hán.

Hằng an trụ trong pháp giới: Như trong kinh có nói rộng, có ba thứ giới: Một: là Đoạn giới là quả vị kiến đạo đã dứt các hành. Hai: là Ly giới, là lìa các hành do tu đạo đã dứt. Ba: là Diệt giới, là diệt bỏ chỗ nương, thuộc về của các hành.

Bồ-đề là: Như trong kinh nói rộng, có ba thứ Bồ-đề là:

1. Bồ-đề Thanh văn: Là nhờ chuyển y mà Thanh văn có được vắng lặng và tiến tới đạo vắng lặng.

2. Bồ-đề Độc giác: Là nhờ chuyển y mà Độc giác có được vắng lặng và tiến tới đạo vắng lặng.

3. Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng: Là nhờ chuyển y mà Đại thừa chứng được vắng lặng, tiến tới đạo vắng lặng, kiến tạo con đường đem đến lợi ích an vui cho các hữu tình.

Vô học là mười pháp Vô học, như trong kinh có nói rộng: 1. Vô học chánh kiến: Là A-la-hán đối diện với khổ, suy tư biết là khổ cho đến đạo thì suy tư biết là đạo. Tác ý vô lậu tương ưng với pháp được lựa chọn, và pháp lựa chọn này là tột cùng, như trước đã nêu. Như Vô học chánh kiến cho đến Chánh định thứ tám, như trước nên biết; 9. Vô học chánh giải thoát là lìa các phiền não thô nặng. Trong tâm Vô học dứt trừ chướng phiền não với cách điều phục và kham nhẫn; 10. Vô học chánh trí là trí tận và trí vô sinh của A-la-hán.

Do tự số là: Như đã nói ở trước, mỗi quả vị là do từ số khác nhau của nó nên biết.

Lại nữa, tụng rằng:

*Dứt nhiều nhân nên dứt,
Tạo dựng, dứt chỗ theo
Do tác ý nương tu
Và thứ lớp dứt trừ.*

Luận chép: Dứt nhiều nhân nên dứt, vì dứt quả vị nhiều nhân, phải cắt đứt phiền não. Có bốn nguyên do phải cắt đứt phiền não: Một: là dứt trừ chỗ nương. Hai: là Dời chỗ nương. Ba: là biết chỗ duyên hợp.

Bốn: là biết chỗ ưa duyên.

Lại có năm nhân để dứt bỏ phiền não là:

1. Biết tự thể của phiền não.
2. Biết sự tướng của phiền não.
3. Biết lỗi của phiền não.
4. Tránh chỗ mà phiền não duyên theo.
5. Tu tập pháp tác ý đối trị.

Lại có bốn thứ nhân khiến phiền não bị cắt đứt là:

1. Nướng vào vô dư để dứt trừ.
2. Nướng vào vô dư mà chuyển.
3. Tu tập pháp vô dư để đối trị.
4. Tâm vô dư giải thoát.

- Lập ra, dứt chỗ theo: Là theo sở duyên của phiền não mà dứt trừ. Sở duyên của phiền não đã bị cắt đứt thì không còn bị trói buộc nữa. Các việc tương ứng theo nó cũng bị cắt đứt. Các phiền não ở hiện tại, vị lai cũng bị cắt đứt hẳn, dù có thô nặng, cho nên nói phiền não được dứt trừ.

Do tác ý là: Từ chỗ duyên trọn vào để mà tu tập tác ý nên phiền não được cắt đứt.

Do nướng theo là: Do nướng vào bảy chỗ định mà phiền não bị cắt đứt, nghĩa là từ Sơ tính lực cho đến Vô sở hữu xứ thứ bảy.

Do tu là: Tu tập bốn niệm trụ, bốn chánh cần cho đến tu tập tám chi Thánh đạo, nên cắt đứt hết các phiền não.

Theo thứ lớp là có năm thứ lớp để cắt đứt phiền não :

1. Trước là cắt phiền não do kiến đạo đã dứt trừ .
2. Kế là cắt đứt phiền não do tu đạo đã dứt trừ.
3. Trước là điều phục dần các phiền não hiện tại.
4. Kế là cắt đứt hẳn nó.
5. Cuối cùng vượt qua tất cả phiền não.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Dứt khác nhau, nên biết,
Và lợi ích tương dứt,
Cũng thế, như đã nói,
Lại phải biết nhiều thứ.*

Luận chép: Sự cắt đứt khác nhau, nên biết. Nhiều thứ là Các phiền não bị dứt trừ có nhiều thứ khác nhau. Nghĩa là cắt đứt loại trói buộc, cắt đứt loại tùy miên. Có sự dứt trừ do đạo thế gian, có sự dứt trừ do đạo xuất thế gian. Có sự dứt trừ do đạo Thanh văn tác ý. Có sự dứt trừ do

đạo Độc giác tác ý. Có sự dứt trừ do Bồ-tát thừa tác ý. Có thứ tạm thời, có thứ cắt đứt rốt ráo. Các phiền não được cắt trừ như vậy, nên biết.

Lợi ích dứt tướng là: Cũng nên biết cũng thế. Nhiều thứ là: Những phiền não bị cắt bỏ ấy, có nhiều tướng lợi ích nên biết.

Như kinh nói rộng là không rơi vào pháp đọa lạc, chắc chắn tiến tới được Bồ-đề. Ai đã đến chánh pháp hay sắp đến chánh pháp, chứng hiểu chánh pháp, chứng tới nguồn đáy, hay chứng ngộ khắp nguồn đáy thì người ấy đã thành tựu được trí kiến của bậc Thánh, không còn màng đến pháp khổ vui. Phiền não không còn được gây ra do mình, người hay cả mình, người hay chẳng phải mình, người cùng gây ra nữa. Cũng không còn màng đến khổ vui vì nó không còn cội nguồn để phát sinh ra nữa. Mạng sống của loài bàng sinh không còn bị cắt đứt.

Vượt qua các pháp Hữu học, không còn năng lực làm phát sinh năm nghiệp Vô gián. Không còn cầu thỉnh các sư ngoại đạo, cũng không coi họ là ruộng phước chân thật, cũng không còn chiêm ngưỡng quan sát dung nhan của các Sa-môn, Bà-la-môn tà đạo. Cũng không còn ngờ vực, lầm lẫn gì đối với pháp ba đời của họ, cũng không nhận lãnh quả báo hữu lậu thứ tám của họ. Cũng thế là chứng quả A-la-hán, dứt hết hẳn các lậu, các việc phải làm đã làm rồi, chứng được quả A-la-hán.

Sáu pháp thường an trụ, như trong kinh có nói rộng. Nghĩa là thành tựu sáu thứ pháp an trụ nối tiếp. Nếu khi mắt thấy sắc nhưng tâm không lo hay mừng là xả niệm chánh tri. Cứ làm cũng thế đối với tai, mũi, lưỡi, thân. Nếu ý thức tiếp xúc với pháp trần, nhưng tâm không lo hay mừng là xả niệm chánh tri. Các việc làm là làm vì lợi ích cho các người. Vì đem ích lợi cho chúng sinh, vì đem đến an vui cho chúng sinh, vì lòng thương chúng sinh, vì các trời, người được ý nghĩa lợi lạc, nên các phiền não như vậy bị cắt đứt hẳn. Có nhiều tướng lợi ích, nên biết.

